

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Phạm Thị Thiện**

2/ Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Hoàng Dung**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 716/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn và hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Mai Hoàng P**, sinh năm 1964 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường H, phường A, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên lạc đường T, phường C, quận N, thành phố C.

- *Bị đơn:* Bà **Tăng M**, sinh năm 1967 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường H, phường A, quận N, thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng C**.

Trụ sở: Phố L, phường H, quận H, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Mạch Văn K** – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng, chi nhánh C (*Đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ chi nhánh C: đường Đ, phường AN, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Mai Hoàng P trình bày: Ông và bà Tăng M qua quá

trình tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Nghiệp, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ), được cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 08/8/1987. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 1999 do nợ nần nên ông lên Thành phố Hồ Chí Minh làm để trả nợ. Đến khoảng năm 2003, ông quay về sinh sống với gia đình và mở quán cơm tại chợ An Nghiệp thì giữa ông và bà Tăng M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà M thường xuyên cơ bạc, vay mượn tiền người thân, xã hội bên ngoài, nhiều người đến đòi nợ làm cho đời sống sợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng. Mặc dù ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà M vẫn không thay đổi, sau nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011. Hiện nay ông cho rằng tình cảm giữa vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn.

Vì vậy, ông Mai Hoàng P khởi kiện yêu cầu:

- + Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Tăng M.
- + Về con chung có 02 người: tên Mai Trúc L (nữ), sinh ngày: 16/10/1988 và Mai Hoàng Pc (nam), sinh ngày: 15/10/1995. Cả hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn - Bà Tăng M trình bày:

Thông nhất trình bày của ông Mai Hoàng P về quan hệ hôn nhân nhưng bà không đồng ý ly hôn. Bởi lẽ, việc ông P yêu cầu ly hôn với lý do tiền bạc là chưa phù hợp. Bà cho rằng từ khi bà mang bầu cháu Mai Hoàng Pc thì ông P có người phụ nữ bên ngoài, hai người có con riêng. Từ năm 2015, ông P dọn về Vĩnh Long sống với người phụ nữ đó cho đến nay. Đối với khoản tiền bà vay mượn là có nhưng với mục đích là nuôi gia đình, chi trả các sinh hoạt phí.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 11/05/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Vào ngày 08/04/2016, bà Tăng M (đại diện hộ) và ông Mai Hoàng P (người thừa kế) được chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Cần Thơ cho vay từ chương trình tín dụng hộ cận nghèo với số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) để mua bàn ghế, dụng cụ bán điểm tâm; thời hạn 36 tháng; lãi suất 0,66% tháng; hạn cuối trả nợ ngày 08/4/2019. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bà M có làm Giấy đề nghị gia hạn nợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường An Nghiệp ngày 04/4/2019 và được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ phê duyệt cho bà M gia hạn nợ đến ngày 08/10/2020.

Khi được biết bà M và ông P đang có đơn gửi Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xin ly hôn, nên phía ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xem xét buộc bà Tăng M và ông Mai Hoàng P liên đới thanh toán toàn bộ số tiền vay

tạm tính đến ngày 31/8/2020 là 18.435.495 (Trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 1.435.495 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tắt nợ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, thống nhất với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Mai Hoàng P và bà Tăng M đã nghiêm trọng kéo dài nhiều năm, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn là có cơ sở.

+ Về con chung: Quá trình chung sống có hai chung là Mai Trúc L, sinh ngày: 16/10/1988 và Mai Hoàng Pc, sinh ngày: 15/10/1995 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Xét khoản vay 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ là phục vụ cho việc kinh doanh nhằm có thu nhập để trang trải cuộc sống của gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của hai người. Vì vậy, yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Cần Thơ về việc buộc bà Tăng M và ông Mai Hoàng P liên đới thanh toán toàn bộ số tiền vay tạm tính đến ngày 31/8/2020 là 18.435.495 (Trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 1.435.495 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tắt nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Mai Hoàng P và bà Tăng M là tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Nghiệp, thành

phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ) nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống ông P và bà M phát sinh mâu thuẫn nên ông P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Mặt khác người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn yêu cầu độc lập buộc ông P, bà M phải liên đới thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và hợp đồng tín chấp*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – Bà Tăng M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Theo ông Mai Hoàng P, ông và bà Tăng M thì ông bà qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 1987, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông P xác nhận ông và bà M chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù hai ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện. Do đó, ông P và bà M đã ly thân với nhau từ năm cuối năm 2015 đến nay, hiện tại ông xác định không còn tình cảm với bà M và mong muốn được ly hôn.

Tại phiên hòa giải ngày 26/03/2020, bà Tăng M không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Mai Hoàng P. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông P, bà M đều xuất phát từ cả hai phía. Cụ thể, theo lời ông P thì bà M thường xuyên cờ bạc, vay mượn tiền nhiều nơi, tuy có nhiều lần can ngăn nhưng không thay đổi. Ngược lại, bà M cho rằng ông P có người phụ nữ khác nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Đồng thời, sự việc đã xảy ra từ lâu nhưng không giải quyết được, dẫn đến vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông P và bà M đã rất nghiêm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì đời sống vợ chồng cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Mai Hoàng P theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Có 02 em tên Mai Trúc L (nữ), sinh ngày: 16/10/1988 và Mai Hoàng Pc (nam), sinh ngày: 15/10/1995. Tất cả đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Ông Mai Hoàng P và bà Tăng M khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu độc lập buộc bà Tăng M và ông Mai Hoàng P liên đới thanh toán toàn bộ số tiền vay tạm tính đến ngày 31/8/2020 là 18.435.495 (Trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 1.435.495 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tắt nợ.

Xét thấy, theo Sổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ đã thể hiện người vay là bà Tăng M, người thừa kế là ông Mai Hoàng P. Đồng thời, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 28/3/2016 bà Tăng M đã đứng nhận vay số tiền 17.000.000 đồng; mục đích vay để mua bán điểm tâm; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay; kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn cuối là ngày 08/4/2019. Như vậy, mặc dù ông Mai Hoàng P không trực tiếp đứng vay tiền từ Ngân hàng chính sách xã hội nhưng ông có ký tên vào sổ vay vốn để bà M thực hiện thủ tục vay tiền. Đồng thời, việc cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội đối với ông bà là dành cho đối tượng hộ cận nghèo, mục đích phát triển kinh tế gia đình. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu buộc ông P, bà M phải liên đới thanh toán nợ vay là có cơ sở để chấp nhận. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay ông Mai Hoàng P cũng thống nhất cùng với bà M sẽ thanh toán toàn bộ nợ tín dụng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Xét tổng số lãi mà ông P, bà M phải trả từ ngày 08/4/2016 đến ngày 31/8/2020 là 5.955.927 đồng, đã thanh toán được 4.520.432 đồng. Vì vậy, ông bà có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vay tạm tính đến ngày 31/8/2020 là 18.435.495 (Trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 1.435.495 đồng). Đồng thời, tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi tắt nợ theo hợp đồng đã ký kết.

[7] *Về án phí*:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Mai Hoàng P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Hoàng P và bà Tăng M cùng phải chịu 921.000 đồng.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Hoàng P về việc ly hôn với bà Tăng M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Mai Hoàng P được ly hôn với bà Tăng M.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Mai Trúc L (nữ), sinh ngày: 16/10/1988 và Mai Hoàng Pc (nam), sinh ngày: 15/10/1995. Tất cả đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên Tòa án không đưa ra xem xét, nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết trong một vụ án khác.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Buộc ông Mai Hoàng P, bà Tăng M liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội toàn bộ số tiền vay tạm tính đến ngày 31/8/2020 là **18.435.495** đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 1.435.495 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi tất nợ.

3. *Về án phí:*

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Ông Mai Hoàng P chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp, theo biên lai thu số 002107 ngày 11/12/2019 thành án phí hôn nhân sơ thẩm phải chịu.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Mai Hoàng P, bà Tăng M phải nộp 921.000 đồng (*Chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng*).

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- UBND P.An Nghiệp, Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng